

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀNG KHÔNG MIỀN NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” ) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 từ trang 6 đến trang 28 kèm theo

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Quang Bình	Thành viên
Ông Trần Sơn Hà	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Quang Bình	Giám đốc
Ông Trần Sơn Hà	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Hiệp.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,**

---

**Trần Quang Bình**  
**Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2014*

Số: /2014/UHYHCM - BCKTDL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07 tháng 02 năm 2014, trình bày từ trang 06 đến trang 28 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)**

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
1496-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2014*

---

**Đặng Thị Minh Nguyệt**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
2614-2013-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2013 VND</b>	<b>Tại 01/01/2013 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.255.527.396</b>	<b>40.718.821.515</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>17.153.865.757</b>	<b>14.113.936.243</b>
Tiền	111		13.291.560.862	7.413.457.472
Các khoản tương đương tiền	112		3.862.304.895	6.700.478.771
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.712.435.695</b>	<b>12.916.477.736</b>
Phải thu khách hàng	131		8.775.788.801	11.817.971.813
Trả trước cho người bán	132		45.936.000	-
Các khoản phải thu khác	135	5	890.710.894	1.098.505.923
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>11.714.390.076</b>	<b>12.413.431.759</b>
Hàng tồn kho	141		11.714.390.076	12.413.431.759
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>674.835.868</b>	<b>1.274.975.777</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	49.420.000	48.766.668
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	344.181.055
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	584.415.868	829.618.054
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	41.000.000	52.410.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.660.025.832</b>	<b>18.653.192.728</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.650.025.832</b>	<b>18.643.192.728</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.626.020.451	18.630.600.908
- Nguyên giá	222		44.822.986.734	47.752.531.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.196.966.283)	(29.121.931.041)
Tài sản cố định vô hình	227	10	24.005.381	12.591.820
- Nguyên giá	228		85.000.000	105.209.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.994.619)	(92.617.180)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>54.915.553.228</b>	<b>59.372.014.243</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2013 VND</b>	<b>Tại 01/01/2013 VND</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.426.297.524</b>	<b>12.607.263.644</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.255.895.524</b>	<b>12.456.261.644</b>
Phải trả người bán	312		4.978.694.691	6.008.017.756
Người mua trả tiền trước	313		27.393.210	77.130.215
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	580.251.273	-
Phải trả người lao động	315		2.453.721.979	5.806.102.070
Chi phí phải trả	316	13	43.474.607	28.853.273
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	172.359.764	536.158.330
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>170.402.000</b>	<b>151.002.000</b>
Phải trả dài hạn khác	333	15	170.402.000	151.002.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>46.489.255.704</b>	<b>46.764.750.599</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>46.489.255.704</b>	<b>46.764.750.599</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.500.000.000	43.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.283.907.248	2.283.907.248
Quỹ dự phòng tài chính	418		372.153.204	304.520.966
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		333.195.252	676.322.385
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>54.915.553.228</b>	<b>59.372.014.243</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
Ngoại tệ các loại				
- Ngoại tệ USD			53.443,16	91.696,38

*Ngày 07 tháng 02 năm 2014*

*Người lập biểu*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*

**Nguyễn Thị Hiệp**

**Trần Quang Bình**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>187.786.297.330</b>	<b>134.514.203.742</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>187.786.297.330</b>	<b>134.514.203.742</b>
Giá vốn hàng bán	11	18	179.778.792.551	128.527.248.613
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.007.504.779</b>	<b>5.986.955.129</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	478.815.965	1.444.299.055
Chi phí tài chính	22	20	18.785.542	32.812.766
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	21	6.090.992.609	5.515.148.740
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	4.482.010.546	4.564.283.367
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2.105.467.953)</b>	<b>(2.680.990.689)</b>
Thu nhập khác	31	23	2.863.060.974	3.629.741.246
Chi phí khác	32	24	104.497.629	21.001.570
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.758.563.345</b>	<b>3.608.739.676</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>653.095.392</b>	<b>927.748.987</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	222.734.311	251.426.602
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>430.361.081</b>	<b>676.322.385</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>77</b>	<b>155</b>

Ngày 07 tháng 02 năm 2014

*Người lập biểu**Kế toán trưởng**Giám đốc*

Nguyễn Thị Hiệp

Trần Quang Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>653.095.392</b>	<b>927.748.987</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		4.143.792.923	2.831.239.509
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(21.364.518)	7.898.164
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(2.151.154.078)	(3.283.498.535)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>	<b>8</b>		<b>2.624.369.719</b>	<b>483.388.125</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		3.025.362.268	(877.637.786)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		699.041.683	(2.038.181.364)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(4.200.366.120)	353.936.997
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(653.332)	144.336.605
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(256.153.125)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		61.850.000	135.677.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(211.610.848)	(456.781.450)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.997.993.370</b>	<b>(2.511.414.999)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.145.000.000)	(15.485.664.273)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.713.636.364	1.957.272.723
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	36.371.293.088
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		452.794.633	1.306.225.812
	<b>30</b>		<b>1.021.430.997</b>	<b>(5.850.872.650)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>				
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.019.424.367</b>	<b>(8.362.287.649)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>14.113.936.243</b>	<b>22.476.223.892</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.505.147	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>17.153.865.757</b>	<b>14.113.936.243</b>

Ngày 07 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hiệp

Trần Quang Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Vận tải Hàng không Miền Nam, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0310422869 ngày 01/11/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 43.500.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1A Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

- Vận tải hàng khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa mô tô, xe máy, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn mô tô, xe máy, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý, môi giới, đấu giá, quảng cáo./.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Bày báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012, trừ các chính sách sau đây:

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể khó thu hồi do khách hàng mất khả năng thanh toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với thời gian khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm khấu hao</b>
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 6

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình bao gồm Chi phí viết phần mềm tính lương và chi phí thiết kế website. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa:*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái và Thông tư số 123/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/07/2012 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo thông tư 123/2012/TT-BTC.

**3.10 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**3.12 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	656.488.000	974.937.000
Tiền gửi ngân hàng	12.635.072.862	6.431.172.777
Các khoản tương đương tiền (*)	3.862.304.895	6.700.478.771
Tiền đang chuyển	-	7.347.695
<b>Cộng</b>	<b>17.153.865.757</b>	<b>14.113.936.243</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 1 tháng tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu các khoản chi hộ	385.088.403	942.118.550
Phải thu trung tâm Nissan	391.000.000	96.000.000
Kinh phí công đoàn	11.270.370	-
Phải thu Bảo Hiểm Xã Hội	-	1.724.917
Phải thu Bảo Hiểm Y Tế	96.916.364	-
Lãi tiền gửi Ngân hàng dự thu	6.435.757	21.712.676
Phải thu khác	-	36.949.780
<b>Cộng</b>	<b>890.710.894</b>	<b>1.098.505.923</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	155.061.166	97.182.620
Hàng hóa	11.559.328.910	12.316.249.139
<b>Cộng</b>	<b>11.714.390.076</b>	<b>12.413.431.759</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	11.714.390.076	12.413.431.759

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Là Phí thành viên World Cargo Alliance Family of Logistic Networks.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	584.415.868	791.581.816
Thuế Thu nhập cá nhân	-	38.036.238
<b>Cộng</b>	<b>584.415.868</b>	<b>829.618.054</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Là khoản các tạm ứng của cán bộ công nhân viên Công ty.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Phần mềm	TSCĐ	Cộng
	VND	vô hình khác VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>01/01/2013</b>	<b>75.209.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>105.209.000</b>
- Tăng khác (*)	55.000.000	-	55.000.000
- Giảm khác (**)	(75.209.000)		(75.209.000)
<b>31/12/2013</b>	<b>55.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>85.000.000</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>01/01/2013</b>	<b>68.056.222</b>	<b>24.560.958</b>	<b>92.617.180</b>
- Khấu hao trong năm	23.697.917	10.000.000	33.697.917
- Tăng khác	18.333.333	6.666.666	24.999.999
- Giảm khác(**)	(73.420.810)	(16.899.667)	(90.320.477)
<b>31/12/2013</b>	<b>36.666.662</b>	<b>24.327.957</b>	<b>60.994.619</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>01/01/2013</b>	<b>7.152.778</b>	<b>5.439.042</b>	<b>12.591.820</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>18.333.338</b>	<b>5.672.043</b>	<b>24.005.381</b>

(\*) Tăng tài sản vô hình là Chi phí viết phần mềm tính lương theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2012.

(\*\*) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của những tài sản có giá trị dưới 30 triệu theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>TSCĐ khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>3.226.636.363</b>	<b>3.670.454.546</b>	<b>40.354.385.930</b>	<b>468.023.110</b>	<b>33.032.000</b>	<b>47.752.531.949</b>
- Mua trong năm	-	-	1.145.000.000	-	-	1.145.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.944.069.500)	-	-	(3.944.069.500)
- Giảm khác (*)	-	-	-	(130.475.715)	-	(130.475.715)
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>3.226.636.363</b>	<b>3.670.454.546</b>	<b>37.555.316.430</b>	<b>337.547.395</b>	<b>33.032.000</b>	<b>44.822.986.734</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>44.810.606</b>	<b>87.855.083</b>	<b>28.734.063.677</b>	<b>243.471.123</b>	<b>11.730.552</b>	<b>29.121.931.041</b>
- Khấu hao trong năm	537.727.273	748.454.546	2.728.609.303	88.697.484	6.606.400	4.110.095.006
- Tăng khác	-	-	-	16.899.667	-	16.899.667
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.944.069.500)	-	-	(3.944.069.500)
- Giảm khác (*)	-	-	-	(107.889.931)	-	(107.889.931)
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>582.537.879</b>	<b>836.309.629</b>	<b>27.518.603.480</b>	<b>241.178.343</b>	<b>18.336.952</b>	<b>29.196.966.283</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>3.181.825.757</b>	<b>3.582.599.463</b>	<b>11.620.322.253</b>	<b>224.551.987</b>	<b>21.301.448</b>	<b>18.630.600.908</b>
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>2.644.098.484</b>	<b>2.834.144.917</b>	<b>10.036.712.950</b>	<b>96.369.052</b>	<b>14.695.048</b>	<b>15.626.020.451</b>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.676.653.682 VND.

(\*) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của những tài sản có giá trị dưới 30 triệu theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Giá trị gia tăng	569.473.870	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.777.403	-
<b>Cộng</b>	<b>580.251.273</b>	<b>-</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí điện thoại	-	344.182
Chi phí kiểm toán	22.909.091	28.509.091
Chi phí hoa hồng	20.565.516	-
<b>Cộng</b>	<b>43.474.607</b>	<b>28.853.273</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm y tế	-	35.074.023
Bảo hiểm xã hội	21.093.620	-
Kinh phí công đoàn	-	78.216.641
Bảo hiểm thất nghiệp	28.525.545	30.973.039
Các khoản phải trả, phải nộp khác	122.740.599	391.894.627
<b>Cộng</b>	<b>172.359.764</b>	<b>536.158.330</b>

**15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Là các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Vốn góp của Nhà nước	42.397.000.000	97%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.103.000.000	3%
<b>Cộng</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Chênh lệch	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	tỷ giá hối đoái	phát triển	tài chính	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>99.191.117</b>	-	-	<b>3.045.209.664</b>	<b>46.644.400.781</b>
- Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	(99.191.117)	-	-	-	(99.191.117)
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	676.322.385	676.322.385
- Trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ Dự phòng tài chính	-	-	2.283.907.248	304.520.966	(2.588.428.214)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(456.781.450)	(456.781.450)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.283.907.248</b>	<b>304.520.966</b>	<b>676.322.385</b>	<b>46.764.750.599</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.283.907.248</b>	<b>304.520.966</b>	<b>676.322.385</b>	<b>46.764.750.599</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	430.361.081	430.361.081
- Trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	67.632.238	(67.632.238)	-
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	55.000.000	55.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	(152.165.829)	(152.165.829)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(608.690.147)	(608.690.147)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>43.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.283.907.248</b>	<b>372.153.204</b>	<b>333.195.252</b>	<b>46.489.255.704</b>

(\*) Tăng do ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình là Chi phí viết phần mềm tính lương theo Biên bản kiểm toán nhà nước.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>187.786.297.330</b>	<b>134.514.203.742</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	129.206.107.376	71.855.969.854
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.580.189.954	62.658.233.888
<b>Cộng</b>	<b>187.786.297.330</b>	<b>134.514.203.742</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>187.786.297.330</b>	<b>134.514.203.742</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	129.206.107.376	71.855.969.854
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.580.189.954	62.658.233.888

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	121.223.794.330	65.586.491.496
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.554.998.221	62.940.757.117
<b>Cộng</b>	<b>179.778.792.551</b>	<b>128.527.248.613</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi	437.517.714	1.306.225.812
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.933.733	138.073.243
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.364.518	-
<b>Cộng</b>	<b>478.815.965</b>	<b>1.444.299.055</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.785.542	32.812.766
<b>Cộng</b>	<b>18.785.542</b>	<b>32.812.766</b>

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	3.799.763.070	3.384.796.586
Chi phí công cụ dụng cụ	99.684.831	89.981.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	375.227.929	285.373.156
Chi phí sửa chữa tài sản	157.853.812	301.110.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.595.437.366	1.453.887.223
Chi phí khác bằng tiền	63.025.601	-
<b>Cộng</b>	<b>6.090.992.609</b>	<b>5.515.148.740</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.216.268.085	2.571.937.570
Chi phí vật liệu	1.990.200	-
Chi phí công cụ dụng cụ	69.288.953	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.905.662	52.395.062
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí sửa chữa tài sản	-	12.780.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.006.196.447	1.678.964.036
Chi phí khác bằng tiền	118.361.199	245.206.699
<b>Cộng</b>	<b>4.482.010.546</b>	<b>4.564.283.367</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản	1.727.272.728	1.977.272.723
Tiền hỗ trợ đại lý của Nissan	1.029.000.000	1.652.468.523
Thu nhập khác	106.788.246	-
<b>Cộng</b>	<b>2.863.060.974</b>	<b>3.629.741.246</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	13.636.364	20.000.000
Chi phí khác	90.861.265	1.001.570
<b>Cộng</b>	<b>104.497.629</b>	<b>21.001.570</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>653.095.392</b>	<b>927.748.987</b>
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	237.841.853	77.957.422
- Các khoản chi phí loại trừ khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	237.841.853	68.946.091
- Chênh lệch đánh giá các khoản phải thu cuối năm	-	9.011.331
<b>Tổng thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>890.937.245</b>	<b>1.005.706.409</b>
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</b>	<b>222.734.311</b>	<b>251.426.602</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>222.734.311</b>	<b>251.426.602</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>430.361.081</b>	<b>676.322.385</b>
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận chưa phân phối	55.000.000	-
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận chưa phân phối	(152.165.829)	-
<b>Lãi chia cổ đông</b>	<b>333.195.252</b>	<b>676.322.385</b>
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	4.350.000	4.350.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>77</b>	<b>155</b>

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## 27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

### *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Năm 2013	<b>Doanh thu bán hàng hoá</b>	<b>Doanh thu dịch vụ</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.206.107.376	58.580.189.954	<b>187.786.297.330</b>
Chi phí bộ phận	121.223.794.330	58.554.998.221	<b>179.778.792.551</b>
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>7.982.313.046</b>	<b>25.191.733</b>	<b>8.007.504.779</b>
Các chi phí không phân bổ bộ phận			10.573.003.155
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(2.565.498.376)
Doanh thu hoạt động tài chính			478.815.965
Chi phí tài chính			18.785.542
Lợi nhuận khác			460.030.423
Thu nhập khác			2.863.060.974
Chi phí khác			104.497.629
Chi phí thuế TNDN hiện hành			222.734.311
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>430.361.081</b>



*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)*

Năm 2012	Doanh thu	Doanh thu dịch	Cộng
	bán hàng hoá	vụ	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.855.969.854	62.658.233.888	<b>134.514.203.742</b>
Chi phí bộ phận	65.586.491.496	62.940.757.117	<b>128.527.248.613</b>
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>6.269.478.358</b>	<b>(282.523.229)</b>	<b>5.986.955.129</b>
Các chi phí không phân bổ bộ phận			10.079.432.107
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(4.092.476.978)
Doanh thu hoạt động tài chính			1.444.299.055
Chi phí tài chính			32.812.766
Lợi nhuận khác			1.411.486.289
Thu nhập khác			3.629.741.246
Chi phí khác			21.001.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành			251.426.602
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>676.322.385</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.153.865.757	14.113.936.243
Phải thu khách hàng	8.775.788.801	11.817.971.813
Các khoản phải thu khác	890.710.894	1.098.505.923
<b>Cộng</b>	<b>26.820.365.452</b>	<b>27.030.413.979</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả cho người bán	4.978.694.691	6.008.017.756
Chi phí phải trả	43.474.607	28.853.273
Các khoản phải trả khác	172.359.764	536.158.330
<b>Cộng</b>	<b>5.194.529.062</b>	<b>6.573.029.359</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

*Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro về giá.

*Rủi ro về giá*

Công ty không mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty không chịu rủi ro nếu yếu tố giá bán thay đổi.

*Số dư với ngân hàng*

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên Bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

### Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Giá trị các khoản phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 8.775.788.801 đồng. Toàn bộ giá trị phải thu khách hàng không suy giảm giá trị theo đánh giá của Công ty

### RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán đã được thỏa thuận. Bảng trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	3.090.770.548	1.887.924.143	-	4.978.694.691
Chi phí phải trả	43.474.607	-	-	43.474.607
Các khoản phải trả khác	172.359.764	-	-	172.359.764
<b>Cộng</b>	<b>3.306.604.919</b>	<b>1.887.924.143</b>	<b>-</b>	<b>5.194.529.062</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	6.008.017.756	-	-	6.008.017.756
Chi phí phải trả	28.853.273	-	-	28.853.273
Các khoản phải trả khác	536.158.330	-	-	536.158.330
<b>Cộng</b>	<b>6.573.029.359</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.573.029.359</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.153.865.757	-	-	17.153.865.757
Phải thu khách hàng	8.775.788.801	-	-	8.775.788.801
Các khoản phải thu khác	890.710.894	-	-	890.710.894
<b>Cộng</b>	<b>26.820.365.452</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.820.365.452</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>				
	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.113.936.243	-	-	14.113.936.243
Phải thu khách hàng	11.817.971.813	-	-	11.817.971.813
Các khoản phải thu khác	1.098.505.923	-	-	1.098.505.923
<b>Cộng</b>	<b>27.030.413.979</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.030.413.979</b>

**29. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

<b><u>Thu nhập của ban lãnh đạo</u></b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
<b>Tổng thu nhập của Ban giám đốc</b>		
- Lương và phụ cấp	1.097.624.000	-
- Tiền thưởng	-	-
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>	-	-
<b><u>Giao dịch với các bên liên quan</u></b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>2.616.146.744</b>	<b>4.987.403.390</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	1.949.745.835	2.815.978.482
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	666.400.909	2.171.424.908
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>8.523.004.791</b>	<b>17.443.296.681</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	6.432.845.894
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	8.523.004.791	11.010.450.787

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>1.100.000</b>	<b>15.352.000</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	8.800.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	1.100.000	6.552.000
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>761.309.417</b>	<b>1.475.746.190</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam		564.384.790
- Công ty Cổ phần Thương Mại Hàng Không	5.849.000	5.963.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	755.460.417	905.398.400

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.

*Ngày 07 tháng 02 năm 2014*

*Người lập biểu*

*Kế toán trưởng*

*Giám đốc*

*Nguyễn Thị Hiệp*

*Trần Quang Bình*